TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 522/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-12-2022
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Văn Len
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Huỳnh Hưỡng
Bà Nguyễn Kim Lên

- Thư ký phiên toà: Bà Trịnh Nga Muội - Là Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 726/2022/TLST-HNGĐ ngày 21/11/2022 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 513/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/12/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị P, sinh năm: 1985 (xin vắng mặt)
Cư trú: Ấp T, xã K, huyện T, tỉnh C ..
2. Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc S, sinh năm: 1983 (xin vắng mặt)
Cư trú: Ấp S, xã K, huyện T, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 16/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Bùi Thị P trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây ngày 22/01/2003. Vợ chồng có ba người con chung cháu Nguyễn Thùy Dung, sinh ngày 31/12/2003 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết), cháu Nguyễn Sơn T, sinh ngày 25/5/2005, cháu Nguyễn Tâm N, sinh ngày 15/7/2009 hiện tại cháu T, cháu N đang sống với anh S.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không còn tin tưởng nhau, chị xét thấy không còn tình cảm với anh S, mối quan hệ hôn nhân không đạt được chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Đồng ý giao hai con chung cháu Nguyễn Sơn T, sinh ngày 25/5/2005, cháu Nguyễn Tâm N, sinh ngày 15/7/2009 cho anh S nuôi dưỡng, không cấp dưỡng nuôi con.

Do bận nhiều việc, đi lại khó khăn chị đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

- *Anh Nguyễn Ngọc S trình bày:* Về hôn nhân và về con như chị P trình bày là đúng.

Hiện tại giữa anh và chị P đã sống ly thân hơn 7 năm. Chị P yêu cầu ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Anh đồng ý nuôi hai con chung cháu Nguyễn Sơn T, sinh ngày 25/5/2005, cháu Nguyễn Tâm N, sinh ngày 15/7/2009, anh không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Đối với cháu Nguyễn Thùy D, sinh ngày 31/12/2003 (đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết).

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do điều kiện đi lại khó khăn anh đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: *Xét về thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Bùi Thị P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S, anh S có nơi cư trú tại huyện Trần Văn Thời, do đó xác định mối quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự về việc *"Tranh chấp ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vắng mặt đương sự: Chị Bùi Thị P, anh Nguyễn Ngọc S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị P, anh S là đúng quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] *Xét về yêu cầu ly hôn:* Chị P và anh S chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh Bình Tây, huyện Trần Văn Thời ngày 22/01/2003, do đó hôn nhân của anh chị hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Chị P xác định trong quá trình chung sống vợ chồng mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị P yêu cầu được ly hôn với anh S, anh S đồng ý ly hôn với chị P. Hội đồng xét xử thấy rằng vợ chồng phải yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, nhưng anh chị không làm được đều đó, cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, chị P, anh S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, như vậy cho thấy giữa anh chị không có thiện chí để hòa giải hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P ly hôn với anh S là phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] *Xét về con chung:* Anh S yêu cầu được nuôi hai con chung cháu Nguyễn Sơn T, cháu Nguyễn Tâm N. Tại biên bản ghi ý kiến của cháu T, cháu N ngày 26/12/2022 nguyên vọng của các cháu là được sống với cha (anh Nguyễn Ngọc S) khi cha mẹ các cháu ly hôn. Hội đồng xét xử thấy rằng, để không làm sáo trộn cuộc sống của cháu T, cháu N cũng như theo nguyện vọng của các cháu, tiếp tục giao cháu T, cháu N cho anh S nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Chị P không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này là phù hợp các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh S không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.3] *Xét về tài sản chung, nợ chung:* Chị P, anh S xác định vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Xét về án phí:* Chị P là người yêu cầu nên phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận khởi kiện của chị Bùi Thị P về việc yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc S.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Sơn T, sinh ngày 25/5/2005, cháu Nguyễn Tâm N, sinh ngày 15/7/2009 cho anh Nguyễn Ngọc S nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị P không trực tiếp nuôi con có quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở chị P thực hiện quyền này.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Bùi Thị P phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, chị P đã dự nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án 300.000 đồng theo biên lai số 0005731 ngày 16/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo luật định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy

định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Len

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Len